TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 700/2025/DS-ST
Ngày 22/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến;

2. Bà Đỗ Thị A.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Phương.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 312.3/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: Số C Đường P, Phường S, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/07/2024) (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trương Lâm Thanh Tr, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Số H Đường N, Phường V, Thành phố H(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2025 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày như sau:***

Ngày 24/10/2022 Công ty tài chính TNHH một thành viên M A (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 3769404 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Trương Lâm Thanh Tr với khoản vay trị giá 31.980.000đ. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Trương Lâm Thanh Tr, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Trương Lâm Thanh Tr. Theo hợp đồng, bà

Trương Lâm Thanh Tr có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 30 tháng, kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/04/2025 cho Công ty theo mức lãi suất là 44%/năm từ kỳ 1 đến kỳ 29 (10/11/2022 đến 10/03/2025) số tiền bà Trương Lâm Thanh Tr đóng là 1.788.017đ; Kỳ thứ 30 vào ngày 10/04/2025 số tiền bà Trương Lâm Thanh Tr đóng là 245.912đ. Tuy nhiên do bà Trương Lâm Thanh Tr đã ngưng thanh toán từ kỳ thứ 4 nên đối với các kỳ còn lại bên phía Nguyên đơn đã trừ đi 12.000đ tiền phí thu hộ trong khoản vay của khách hàng (quy định điểm b khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng). Ngày trả góp của bà Trương Lâm Thanh Tr là vào ngày 10 tây hàng tháng (10/11/2022 đến 10/04/2025).

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trương Lâm Thanh Tr chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 4 kỳ vào ngày (14/11/2022, 16/12/2022, 16/01/2023, 15/12/2023; riêng vào ngày 30/11/2023 bà Trương Lâm Thanh Tr chỉ đóng số tiền 210.601đ) với tổng số tiền là 7.374.369đ. Trong đó:

- Số tiền gốc: 3.322.393đ.

- Tiền lãi: 4.004.276đ.

- Phí thu hộ: 32.880đ.

- Lãi chậm trả: 14.820đ

Từ ngày 16/12/2023 đến nay bà Trương Lâm Thanh Tr không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Trương Lâm Thanh Tr thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Trương Lâm Thanh Tr biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Trương Lâm Thanh Tr vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty.

Do đó, theo Bản tự khai của bà Nguyễn Phước Quỳnh G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc bà Trương Lâm Thanh Tr phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty Tài chính M A tổng số tiền bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi tạm tính đến ngày 22/9/2025 là: 72.260.677đ (Bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó:

+ Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 28.657.607đ.

+ Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 14.952.687đ

+ Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 25.854.337đ.

+ Số tiền lãi chậm trả: 2.796.046đ.

Bị đơn bà Trương Lâm Thanh Tr: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét, theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024 của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Việt Nam) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xét, theo Đơn yêu cầu ngày 29/5/2025 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn bà Trương Lâm Thanh Tr có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Số H Đường N, phường V (trước là Phường B, Quận 10), Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 35 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…nhưng bị đơn đều vắng mặt. Mặc khác, bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không giao nộp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án nêu trên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vào ngày 24/10/2022 giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty) và bà Trương Lâm Thanh Tr có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 3769404, theo đó Công ty cho bà Tr vay số tiền 31.980.000đ, thời hạn vay là 30 tháng từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/4/2025, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 44%/năm, trả góp vào ngày 10 hàng tháng, trong đó từ kỳ 1 đến kỳ 29 trả góp 1.788.017đ cho mỗi kỳ, kỳ 30 trả 245.912đ. Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3769404 ngày 24/10/2022 được ký giữa Công ty với bà Tr có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trương Lâm Thanh Tr chỉ mới trả góp cho Công ty được 04 kỳ vào ngày (14/11/2022, 16/12/2022, 16/01/2023, 15/12/2023, ngày 30/11/2023 chỉ đóng 210.601đ) với tổng số tiền là 7.374.369đ. Trong đó: Tiền gốc là 3.322.393đ, Tiền lãi là 4.004.276đ, Phí thu hộ là 32.880đ, và từ ngày 16/12/2023 cho đến nay thì bà Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Theo khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng quy định *"...Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo Lãi suất đã thỏa thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả..."* nên yêu cầu của Công ty về việc buộc bà Tr phải trả nợ gốc và nợ lãi quá hạn là có cơ sở.

Theo khoản 3.7 Điều 3 và khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng thì lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 44%/năm, lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất do chậm trả tiền lãi trong hạn là 10%/năm. Xét, mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 22/9/2025 tổng số tiền mà bà Tr phải trả cho Công ty là 72.260.677đ (Bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là: 28.657.607đ.

+ Nợ lãi trong hạn là: 14.952.687đ

+ Nợ lãi chậm trả lãi trong hạn là: 2.796.046đ.

+ Nợ lãi quá hạn là: 25.854.337đ.

[2.3] Về thời hạn và phương thức trả nợ: Xét khoản nợ mà bà Tr không trả cho Công ty đã quá thời hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng; và mặc dù đã được Công ty thực hiện nhiều biện pháp yêu cầu bà Tr có nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Tr cố tình trốn tránh và kéo dài thời gian nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Tr có nghĩa vụ trả một lần khoản tiền còn nợ nêu trên cho Công ty ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 233; Điều 227, 228 và 238; Điều 266; Điều 271, 273; Điều 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trương Lâm Thanh Tr phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 22/9/2025 là 72.260.677đ (Bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 28.657.607đ, Nợ lãi trong hạn là: 14.952.687đ, Nợ lãi chậm trả lãi trong hạn là: 2.796.046đ, Nợ lãi quá hạn là: 25.854.337đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Lâm Thanh Tr còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi tron hạn phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3769404 ngày 24/10/2022.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Lâm Thanh Tr phải chịu số tiền là 3.613.034đ (Ba triệu, sáu trăm mười ba ngàn, không trăm ba mươi bốn đồng). Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M A 1.301.376đ (Một triệu, ba trăm lẻ một ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075748 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.)

3. Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV4, Tp.HCM
- Chi cục THADS Q.10, Tp.HCM; (nay là Phòng THADS KV4, Tp.HCM);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc